

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/DS-ST
Ngày 28-02-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Thanh Thà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc;
2. Bà Trần Phước Trinh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 364/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Hẻm 1127/13 Tỉnh lộ 43, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Tích S, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 9, Ấp S, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 13/6/2022, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ông Trần Ngọc T trình bày:

Vào ngày 22/3/2021 ông có cho Ông Lê Tích S vay số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu đồng), ông S có ký hợp đồng vay tài sản, thời hạn vay 01 tháng, không tính lãi. Đến thời hạn trả tiền ông S tránh né, ông đã nhiều lần đòi số tiền nợ trên nhưng ông S vẫn không trả. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Lê Tích S trả số tiền 40.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi và yêu cầu trả ngay khi bản

án có hiệu lực pháp luật, ông yêu cầu ông S trả lãi suất của Ngân hàng từ khi vay đến thời điểm nộp đơn khởi kiện là 4.500.000 đồng.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Hợp đồng vay tài sản ngày 22/3/2021 (bản photo có đối chiếu bản chính), căn cước công dân của ông Tuyền (bản photo có đối chiếu bản chính), căn cước công dân và hộ khẩu của ông S (bản photo).

Bị đơn Ông Lê Tích S đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt ông S.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền 40.000.000 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu đối với số tiền 4.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Lê Tích S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt ông S và căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn Ông Lê Tích S cư trú tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ông Trần Ngọc T yêu cầu bị đơn Ông Lê Tích S trả số tiền 40.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tài sản ngày 22/3/2021. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Bị đơn có nợ của nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng. Quá trình vay, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 40.000.000 đồng, trả ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ông Trần Ngọc T xác định chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Việc nguyên đơn thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.500.000 đồng không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng số tiền mà ông cho bị đơn vay là tài sản riêng của ông, ông có vợ tên Lê Thị Thu H nhưng đã ly hôn nên Hội

đồng xét xử thấy không cần thiết phải triệu tập bà H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Từ những phân tích trên; căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc bị đơn Ông Lê Tích S trả cho Ông Trần Ngọc T số tiền 40.000.000 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc Ông Lê Tích S phải trả tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Trần Ngọc T.

Buộc Ông Lê Tích S phải trả cho Ông Trần Ngọc T số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu đồng), trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Lê Tích S có trách nhiệm trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, kể từ ngày Ông Trần Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Ông Lê Tích S phải chịu là 2.000.000 (Hai triệu đồng).

Hoàn trả cho Ông Trần Ngọc T số tiền tạm ứng án phí 1.112.500 (Một triệu một trăm mười hai ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0044972 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Châu Thị Thanh Thà

